

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2018

“V/v Xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phù Thọ Bốn

2. Bà Lê Thị Bích Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc: “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thúy Q, sinh năm 1984; Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1982; Có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp Càng, xã Hòa Điền, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Dương Thúy Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C chung sống với nhau từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh C thường xuyên đi nhậu và nhà kiếm chuyện cự cãi và đánh đập chị nhiều lần. Nay chị xét thấy vợ chồng không còn quý trọng nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 người con chung gồm:

- Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 18/7/2004
- Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/8/2008.

Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Q thống nhất theo ý kiến của các con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng anh chung sống không có đăng ký kết hôn. Chị Q trình bày mâu thuẫn của vợ chồng là không đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Q thường xuyên lên mạng xã hội là Zalo và Face book anh không đồng ý, anh đã can ngăn thì vợ chồng cự cãi, trong lúc nóng giận anh có đánh vợ một cái. Anh C đồng ý ly hôn chị Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung như chị Q trình bày.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh thống nhất theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 03/4/2018 cháu Nguyễn Thị Trúc L có nguyện vọng sống chung với chị Q.

Tại Biên bản ghi ý kiến ngày 10/4/2018 cháu Nguyễn Quốc H có nguyện vọng sống chung với chị Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện K theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thúy Q và anh Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, nhưng không có đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

...

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không hợp tính nhau, anh C cũng có hành vi đánh chị Q nên chị Q yêu cầu ly hôn. Do hôn nhân giữa chị Q và anh C không có đăng ký kết hôn và chị Q có yêu cầu xin ly hôn nên Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q và anh C theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“ ...

2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.....”

[3] Về con chung: Có 02 con chung gồm: Nguyễn Thị Trúc L, sinh ngày 18/7/2004, Nguyễn Quốc H, sinh ngày 01/8/2008, hai cháu muốn sống với chị Q, anh C cũng đồng ý thống nhất theo nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Trúc Ly và Nguyễn Quốc H cho chị Dương Thúy Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Q không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị Q và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Nợ chung: Chị Q và anh C trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Q yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001783 ngày 27/3/2018 (đã thực hiện xong).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không công nhận chị Dương Thúy Q và anh Nguyễn Văn C là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Trúc L- ngày 18/7/2004 và Nguyễn Quốc H- sinh ngày 01/8/2008 cho chị Dương Thúy Q tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng

thành. Chị Q không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên anh C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự khi có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Q yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001783 ngày 27/3/2018 (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/5/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Thi Hành án Dân sự huyện. K ;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diễm